

Số: 55/2025/QĐST-HNGĐ

V, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1994;

Nơi thường trú: Xóm 4, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1995;

Nơi thường trú: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Tư cách tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hoà giải, về phía anh chị cũng đã nhìn nhận lại chính bản thân mình, cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đầu năm 2024 đến nay. Nay anh Đ và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn,

anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Việc ly hôn anh chị đều đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T có một con chung là Trần Hạ A, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2019. Ly hôn, anh Đ và chị T thống nhất thỏa thuận: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hạ A. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Trần Hạ A cùng chị T số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 (một) tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi con Trần Hạ A thành niên (đủ 18 tuổi). Thỏa thuận của anh Đ và chị T về việc nuôi con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[3] Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

XÉT THẤY:

Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Sự thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T thuận tình ly hôn.

1.2. Về nuôi con chung:

1.2.1. Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T có một con chung là Trần Hạ A, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2019. Ly hôn, anh Đ và chị T thống nhất thỏa thuận: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hạ A. Anh Đ có nghĩa vụ cấp

dưỡng cho con Trần Hạ A cùng chị T số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 (một) tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi con Trần Hạ A thành niên (đủ 18 tuổi).

1.2.2. Anh Trần Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi các bên có yêu cầu.

1.3. Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Huyền T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đ và chị T đã nộp tạm ứng tại các Biên lai số 0000584, 0000583 đều đề ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành lệ phí. Như vậy, anh Đ và chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 28 tháng 9 năm 2018);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dương